



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập và  
Hoạt động số**

|              |                           |
|--------------|---------------------------|
| 24/UBCK-GP   | ngày 28 tháng 12 năm 2007 |
| 36/GPĐC-UBCK | ngày 3 tháng 12 năm 2013  |
| 40/GPĐC-UBCK | ngày 31 tháng 12 năm 2013 |
| 23/GPĐC-UBCK | ngày 3 tháng 9 năm 2015   |

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Hội đồng Quản trị**

|                              |            |
|------------------------------|------------|
| Ông Albert Kwang - Chin Ting | Chủ tịch   |
| Ông Ho, Feng - Tao           | Thành viên |
| Ông Wu, Jin - Jeng           | Thành viên |
| Ông Hsieh, Chih - Kan        | Thành viên |
| Bà Huang, Wan - Hui          | Thành viên |

**Ban Giám đốc**

|                    |               |
|--------------------|---------------|
| Ông Ho, Feng - Tao | Tổng Giám đốc |
|--------------------|---------------|

**Ban Kiểm soát**

|                       |            |
|-----------------------|------------|
| Ông Liew, Sep - Siang | Trưởng ban |
| Ông Lii, San - Rong   | Thành viên |
| Bà Kuo, Chih - Chia   | Thành viên |

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 5, Tòa nhà Crescent Residence 3  
109 đường Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 26 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Albert Kwang - Chin Ting  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 26.

### **Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-415/3



Trương Minh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2014-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2017

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mẫu B01-CTQ

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2016<br>VND     | 31/12/2015<br>VND     |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>   |            |             |                       |                       |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b><br>(100 = 110 + 120 + 130 + 150) | <b>100</b> |             | <b>28.403.959.001</b> | <b>27.793.788.509</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>3.350.713.317</b>  | <b>1.228.881.956</b>  |
| Tiền   | 111        |             | 850.713.317           | 1.228.881.956         |
| Các khoản tương đương tiền                               | 112        |             | 2.500.000.000         | -                     |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                         | <b>120</b> |             | <b>25.000.000.000</b> | <b>25.000.000.000</b> |
| Đầu tư ngắn hạn  | 121        | 5           | 25.000.000.000        | 25.000.000.000        |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                       | <b>130</b> |             | <b>53.245.684</b>     | <b>1.469.262.295</b>  |
| Phải thu hoạt động nghiệp vụ                             | 134        | 6           | 41.601.848            | -                     |
| Phải thu khác  | 135        | 7           | 11.643.836            | 1.469.262.295         |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                             | <b>150</b> |             | <b>-</b>              | <b>95.644.258</b>     |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                               | 151        |             | -                     | 95.644.258            |
| <b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)</b>                 | <b>200</b> |             | <b>133.333.097</b>    | <b>133.333.097</b>    |
| <b>Tài sản cố định</b>                                   | <b>220</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| Tài sản cố định vô hình                                  | 227        | 8           | -                     | -                     |
| Nguyên giá   | 228        |             | 397.464.302           | 397.464.302           |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                   | 229        |             | (397.464.302)         | (397.464.302)         |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                              | <b>260</b> |             | <b>133.333.097</b>    | <b>133.333.097</b>    |
| Tài sản dài hạn khác                                     | 268        | 9           | 133.333.097           | 133.333.097           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b><br>(270 = 100 + 200)            | <b>270</b> |             | <b>28.537.292.098</b> | <b>27.927.121.606</b> |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B01-CTQ

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2016<br>VND     | 31/12/2015<br>VND     |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                             |            |             |                       |                       |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>               | <b>300</b> |             | <b>142.865.495</b>    | <b>158.566.463</b>    |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                           | <b>310</b> |             | <b>142.865.495</b>    | <b>158.566.463</b>    |
| Phải trả người bán                           | 312        |             | -                     | 90.290.000            |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước          | 314        | 10          | 21.265.995            | 19.235.930            |
| Phải trả người lao động                      | 315        |             | 47.349.500            | 49.040.533            |
| Chi phí phải trả                             | 316        | 11          | 74.250.000            | -                     |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>            | <b>400</b> |             | <b>28.394.426.603</b> | <b>27.768.555.143</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> |             | <b>28.394.426.603</b> | <b>27.768.555.143</b> |
| Vốn cổ phần                                  | 411        | 12          | 39.000.000.000        | 39.000.000.000        |
| Lũy kế                                       | 420        |             | (10.605.573.397)      | (11.231.444.857)      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b> | <b>440</b> |             | <b>28.537.292.098</b> | <b>27.927.121.606</b> |

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

|          | Mã số | 31/12/2016<br>VND | 31/12/2015<br>VND |
|----------|-------|-------------------|-------------------|
| Ngoại tệ |       |                   |                   |
| ▪ USD    | 005   | 2.690.957         | 2.905.928         |

Ngày 14 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hải Linh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Albert Kwang - Chin Ting  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mẫu B02-CTQ

|   | Mã số     | Thuyết minh | 2016 VND           | 2015 VND           |
|---|-----------|-------------|--------------------|--------------------|
| Doanh thu   | 01        | 13          | 181.109.122        | -                  |
| Các khoản giảm trừ doanh thu  | 02        |             | -                  | -                  |
| <b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)</b>             | <b>10</b> |             | <b>181.109.122</b> | <b>-</b>           |
| Chi phí hoạt động kinh doanh  | 11        |             | -                  | -                  |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>181.109.122</b> | <b>-</b>           |
| Doanh thu hoạt động tài chính   | 21        | 14          | 2.311.218.857      | 2.088.943.978      |
| Chi phí tài chính   | 22        | 15          | 22.459             | 1.619.806          |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 25        | 16          | 1.865.234.060      | 2.037.100.380      |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}</b> | <b>30</b> |             | <b>627.071.460</b> | <b>50.223.792</b>  |
| Thu nhập khác   | 31        |             | -                  | 1.818.182          |
| Chi phí khác  | 32        |             | 1.200.000          | 10.250.000         |
| <b>Lỗ từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>                            | <b>40</b> |             | <b>(1.200.000)</b> | <b>(8.431.818)</b> |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                        | <b>50</b> |             | <b>625.871.460</b> | <b>41.791.974</b>  |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành   | 51        | 17          | -                  | -                  |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại  | 52        | 17          | -                  | -                  |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>                        | <b>60</b> |             | <b>625.871.460</b> | <b>41.791.974</b>  |

Ngày 14 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hải Linh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Albert Kwang - Chin Ting  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp trực tiếp)**

Mẫu B03-CTQ

|  | Mã số     | 2016<br>VND            | 2015<br>VND            |
|--|-----------|------------------------|------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                       |           |                        |                        |
| Tiền thu từ các hoạt động quản lý quỹ  | 01        | 139.507.274            | -                      |
| Tiền chi trả cho người lao động  | 03        | (935.703.457)          | (912.602.705)          |
| Tiền chi nộp thuế cho Nhà nước   | 05        | (54.118.684)           | (64.871.777)           |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 06        | 50.018.082.192         | 102.000.000            |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 07        | (50.814.773.280)       | (1.102.515.257)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                 | <b>20</b> | <b>(1.647.005.955)</b> | <b>(1.977.989.739)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |           |                        |                        |
| Tiền chi mua các công cụ nợ  | 23        | (25.000.000.000)       | (25.000.000.000)       |
| Tiền thu từ các công cụ nợ   | 24        | 25.000.000.000         | 21.500.000.000         |
| Tiền thu lãi   | 27        | 3.768.837.316          | 1.379.133.739          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                     | <b>30</b> | <b>3.768.837.316</b>   | <b>(2.120.866.261)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)</b>                                | <b>50</b> | <b>2.121.831.361</b>   | <b>(4.098.856.000)</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>                                    | <b>60</b> | <b>1.228.881.956</b>   | <b>5.327.737.956</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh số 4)</b> | <b>70</b> | <b>3.350.713.317</b>   | <b>1.228.881.956</b>   |

Ngày 14 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hải Linh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Albert Kwang - Chin Ting  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mẫu B05-CTQ

|                                     | Vốn cổ phần<br>VND | Lỗ lũy kế<br>VND | Tổng<br>VND    |
|-------------------------------------|--------------------|------------------|----------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015   | 39.000.000.000     | (11.273.236.831) | 27.726.763.169 |
| Lợi nhuận thuần trong năm           | -                  | 41.791.974       | 41.791.974     |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016   | 39.000.000.000     | (11.231.444.857) | 27.768.555.143 |
| Lợi nhuận thuần trong năm           | -                  | 625.871.460      | 625.871.460    |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 39.000.000.000     | (10.605.573.397) | 28.394.426.603 |

Ngày 14 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hải Linh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Albert Kwang - Chin Ting  
Chủ tịch

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B09-CTQ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư tại Việt Nam và nước ngoài để thực hiện các hoạt động đầu tư tại Việt Nam; nhận các quỹ ủy thác đầu tư và quản lý các danh mục đầu tư; và cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp trong lĩnh vực tái cơ cấu tài chính, sáp nhập và mua lại, hợp nhất và chia tách các công ty.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 9 nhân viên (31/12/2015: 9 nhân viên), trong đó những nhân viên sau có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp:

- Ông Nguyễn Nam Trung;
- Ông Lương Tôn Phiệt;
- Ông Nguyễn Chiến Trục;
- Bà Hồ Thúy Ái;
- Ông Nguyễn Hoài Sơn; và
- Ông Ho, Feng - Tao.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09-CTQ**

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Công ty có lỗ lũy kế là 10.606 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (31/12/2015: lỗ lũy kế là 11.231 triệu VND). Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09-CTQ**

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu từ hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B09-CTQ**

**(f) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(g) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận, nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(h) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(i) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09-CTQ**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B09-CTQ**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(j) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(k) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày báo cáo. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B09-CTQ

**(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(m) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ đầu tư được quản lý bởi Công ty.

**(n) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư theo yêu cầu tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|  | 31/12/2016<br>VND    | 31/12/2015<br>VND    |
|--|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt tại quỹ   | 8.349.327            | 15.328.073           |
| Tiền gửi ngân hàng   | 842.363.990          | 1.213.553.883        |
| Các khoản tương đương tiền   | 2.500.000.000        | -                    |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b> | <b>3.350.713.317</b> | <b>1.228.881.956</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm dao động từ 4,3% đến 4,8% (31/12/2015: không).

**5. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

|  | 31/12/2016 |                | 31/12/2015 |                |
|--|------------|----------------|------------|----------------|
|  | Số lượng   | Giá trị<br>VND | Số lượng   | Giá trị<br>VND |
| Trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn gốc 12 tháng | 25         | 25.000.000.000 | 25         | 25.000.000.000 |

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B09-CTQ

**6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

|                                   | <b>31/12/2016</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2015</b><br><b>VND</b> |
|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ | 41.601.848                      | -                               |

Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu khác**

|              | <b>31/12/2016</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2015</b><br><b>VND</b> |
|--------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Lãi phải thu | 11.643.836                      | 1.469.262.295                   |

**8. Tài sản cố định vô hình**

|                               | <b>Phần mềm máy vi tính</b> |                           |
|-------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
|                               | <b>2016</b><br><b>VND</b>   | <b>2015</b><br><b>VND</b> |
| <b>Nguyên giá</b>             |                             |                           |
| Số dư đầu năm/số dư cuối năm  | 397.464.302                 | 397.464.302               |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                             |                           |
| Số dư đầu năm/số dư cuối năm  | 397.464.302                 | 397.464.302               |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                             |                           |
| Số dư đầu năm/số dư cuối năm  | -                           | -                         |

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 397.464.302 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (31/12/2015: 397.464.302 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B09-CTQ

**9. Tài sản dài hạn khác**

Tài sản dài hạn khác phản ánh khoản tiền ký quỹ cho các hợp đồng thuê văn phòng.

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                       | 31/12/2015<br>VND | Số phải nộp<br>VND | Số đã nộp<br>VND | 31/12/2016<br>VND |
|-----------------------|-------------------|--------------------|------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 181.818           | -                  | (181.818)        | -                 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 19.054.112        | 53.148.749         | (50.936.866)     | 21.265.995        |
|                       | 19.235.930        | 53.148.749         | 51.118.684       | 21.265.995        |

**11. Chi phí phải trả**

|                        | 31/12/2016<br>VND | 31/12/2015<br>VND |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Phí dịch vụ chuyên môn | 74.250.000        | -                 |

**12. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

|                                  | Tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2015 |                |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------|
|                                  | Số cổ phiếu                       | VND            |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt</b>    | 3.900.000                         | 39.000.000.000 |
| <b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>  |                                   |                |
| Cổ phiếu phổ thông               | 3.900.000                         | 39.000.000.000 |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> |                                   |                |
| Cổ phiếu phổ thông               | 3.900.000                         | 39.000.000.000 |

Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09-CTQ**

Chi tiết các cổ đông của Công ty như sau:

|                              | Tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2015 |                       |             |
|------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------|
|                              | Số cổ phiếu                       | VND                   | % sở hữu    |
| Bà Đặng Thanh Thủy           | 1.989.000                         | 19.890.000.000        | 51%         |
| Ông Albert Kwang - Chin Ting | 975.000                           | 9.750.000.000         | 25%         |
| Ông Kwang, Hung - Ting       | 936.000                           | 9.360.000.000         | 24%         |
|                              | <b>3.900.000</b>                  | <b>39.000.000.000</b> | <b>100%</b> |

### 13. Doanh thu

Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

|                                      | 2016<br>VND | 2015<br>VND |
|--------------------------------------|-------------|-------------|
| Phí quản lý từ hoạt động quản lý quỹ | 181.109.122 | -           |

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam (“VPDF”), một quỹ đầu tư thành viên được thành lập tại Việt Nam. Chi tiết của quỹ đầu tư này như sau:

| Tên viết tắt | Hoạt động chính    | Thông báo Xác nhận Thành lập           | Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2016 VND |
|--------------|--------------------|--|--|
| VPDF         | Đầu tư chứng khoán | Số 60/TB-UBCK ngày 11 tháng 4 năm 2016 | 49.770.522.891                               |

Công ty được nhận phí quản lý và phí thưởng hoạt động từ VPDF. Phí quản lý bằng 0,5% giá trị tài sản ròng mỗi năm. Phí thưởng hoạt động chỉ được nhận khi Công ty đáp ứng được các điều kiện được nêu trong hợp đồng dịch vụ quản lý quỹ tư. Không có khoản phí thưởng hoạt động nào phải thu từ VPDF cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vì không được đáp ứng các điều kiện.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09-CTQ**

**14. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                           | <b>2016<br/>VND</b> | <b>2015<br/>VND</b> |
|---------------------------|---------------------|---------------------|
| Thu nhập lãi từ           |                     |                     |
| ▪ Trái phiếu doanh nghiệp | 2.255.496.295       | 1.699.810.239       |
| ▪ Tiền gửi ngân hàng      | 55.722.562          | 389.133.739         |
|                           | <hr/>               | <hr/>               |
|                           | 2.311.218.857       | 2.088.943.978       |

**15. Chi phí tài chính**

|                               | <b>2016<br/>VND</b> | <b>2015<br/>VND</b> |
|-------------------------------|---------------------|---------------------|
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 22.459              | 1.619.806           |
|                               | <hr/>               | <hr/>               |

**16. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|  | <b>2016<br/>VND</b> | <b>2015<br/>VND</b> |
|--|---------------------|---------------------|
| Chi phí tiền lương và các chi phí liên quan khác | 1.140.029.173       | 1.048.973.437       |
| Chi phí dịch vụ thuê ngoài                       | 634.804.733         | 897.288.300         |
| Chi phí khác                                     | 90.400.154          | 90.838.643          |
|  | <hr/>               | <hr/>               |
|  | 1.865.234.060       | 2.037.100.380       |

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B09-CTQ

**17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|                                      | 2016<br>VND   | 2015<br>VND  |
|--------------------------------------|---------------|--------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế         | 625.871.460   | 41.791.974   |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 125.174.292   | 8.358.395    |
| Chi phí không được khấu trừ thuế     | 1.590.800     | 2.050.000    |
| Lỗ tính thuế được sử dụng            | (126.765.092) | (10.408.395) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp           | -             | -            |

**(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

|              | 31/12/2016                    |                             | 31/12/2015                    |                             |
|--------------|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
|              | Chênh lệch<br>tạm thời<br>VND | Giá trị<br>tính thuế<br>VND | Chênh lệch<br>tạm thời<br>VND | Giá trị<br>tính thuế<br>VND |
| Lỗ tính thuế | 864.570.454                   | 172.914.091                 | 1.864.314.463                 | 372.862.893                 |

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ thuế chưa sử dụng bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của khoản mục đó.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015 là 20% do doanh thu của Công ty thấp hơn 20 tỷ VND theo hướng dẫn của Thông tư số 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015 và mức này giảm xuống 20% từ năm 2016. Việc tính thuế thu nhập phụ thuộc vào việc soát xét và phê duyệt của cơ quan thuế.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09-CTQ**

**18. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ các chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

|  | 31/12/2016<br>VND | 31/12/2015<br>VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i) | 3.342.363.990     | 1.213.553.883     |
| Đầu tư vào chứng khoán nợ (ii)                       | 25.000.000.000    | 25.000.000.000    |
| Phải thu hoạt động nghiệp vụ                         | 41.601.848        | -                 |
| Phải thu khác  | 11.643.836        | 1.469.262.295     |
| Các tài sản tài chính khác                           | 133.333.097       | 133.333.097       |
|  | 28.528.942.771    | 27.816.149.275    |

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B09-CTQ

**(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Đầu tư vào chứng khoán nợ**

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro tín dụng thấp theo đánh giá của Hội đồng Quản trị. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các trái phiếu này và không cho rằng các khoản đầu tư trái phiếu này gây tổn thất cho Công ty.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b> | <b>Giá trị ghi sổ VND</b> | <b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b> | <b>Trong vòng 1 năm VND</b> |
|--------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|-----------------------------|
| Phải trả người lao động              | 47.349.500                | 47.349.500                         | 47.349.500                  |
| Chi phí phải trả                     | 74.250.000                | 74.250.000                         | 74.250.000                  |
|                                      | 121.599.500               | 121.599.500                        | 121.599.500                 |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b> | <b>Giá trị ghi sổ VND</b> | <b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b> | <b>Trong vòng 1 năm VND</b> |
| Phải trả người bán                   | 90.290.000                | 90.290.000                         | 90.290.000                  |
| Phải trả người lao động              | 49.040.533                | 49.040.533                         | 49.040.533                  |
|                                      | 139.330.533               | 139.330.533                        | 139.330.533                 |



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09-CTQ**

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể vì Công ty không có trạng thái tiền tệ đáng kể nào đối với các loại tiền tệ khác VND.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

|  | Giá trị ghi sổ    |                   |
|--|-------------------|-------------------|
|  | 31/12/2016<br>VND | 31/12/2015<br>VND |
| <b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b> |                   |                   |
| Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền | 3.342.363.990     | 1.213.553.883     |
| Đầu tư vào chứng khoán nợ                        | 25.000.000.000    | 25.000.000.000    |

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B09-CTQ

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

|  | 31/12/2016         |                    | 31/12/2015         |                    |
|--|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
|  | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND |
| <i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>                            |                    |                    |                    |                    |
| ▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền                                 | 3.342.363.990      | 3.342.363.990      | 1.213.553.883      | 1.213.553.883      |
| ▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ   | 41.601.848         | (*)                | -                  | -                  |
| ▪ Phải thu khác  | 11.643.836         | (*)                | 1.469.262.295      | (*)                |
| ▪ Các tài sản tài chính khác   | 133.333.097        | (*)                | 133.333.097        | (*)                |
| <i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>                |                    |                    |                    |                    |
| ▪ Đầu tư vào chứng khoán nợ  | 25.000.000.000     |                    | 25.000.000.000     | (*)                |
| <i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i> |                    |                    |                    |                    |
| ▪ Phải trả người bán   | -                  | -                  | (90.290.000)       | (*)                |
| ▪ Phải trả người lao động  | (47.349.500)       | (*)                | (49.040.533)       | (*)                |
| ▪ Chi phí phải trả   | (74.250.000)       | (*)                | (74.250.000)       | (*)                |

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTQ

**19. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

|   | Giá trị giao dịch |             | Phải thu/(phải trả) tại ngày |                   |
|---|-------------------|-------------|------------------------------|-------------------|
|   | 2016<br>VND       | 2015<br>VND | 31/12/2016<br>VND            | 31/12/2015<br>VND |
| <b>VPDF – Quỹ được Công ty quản lý</b>      |                   |             |                              |                   |
| Phí quản lý quỹ                             | 181.109.122       | -           | 41.601.848                   | -                 |
| <b>Thù lao của nhân sự quản lý chủ chốt</b> |                   |             |                              |                   |
| Tiền lương và các phúc lợi khác             | 368.942.250       | 368.942.250 | (23.390.250)                 | (23.390.250)      |

**20. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

|                            | 31/12/2016<br>VND  | 31/12/2015<br>VND    |
|----------------------------|--------------------|----------------------|
| Trong vòng một năm         | 274.711.200        | 262.231.200          |
| Trong vòng hai đến năm năm | 655.578.000        | 917.809.200          |
|                            | <u>930.289.200</u> | <u>1.180.040.400</u> |

Ngày 14 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hải Linh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Albert Kwang - Chin Ting  
Chủ tịch